

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 07/5/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH K

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sương và ông Trương Duy Cảnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2025/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1987 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm 64/18 Đặng Tất, thành phố K, tỉnh K.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Thái Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đoàn Kết, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/11/2024, chị Trần Thị Thanh H trình bày:

Chị H và anh Phạm Thái Đ tự nguyện Đ1 ký kết hôn với nhau và được UBND xã Đoàn Kết, thành phố K, tỉnh K cấp giấy chứng nhận Đ1 ký kết hôn ngày 13/11/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh Đ thường xuyên đánh đập và say xỉn nhưng sau đó anh Đ hứa thay đổi nên chúng tôi quay về ở với nhau. Nhưng từ đó đến nay anh Đ vẫn không có sự thay đổi, vẫn thường xuyên uống rượu, say xỉn đánh đập tôi và đập phá đồ đạc trong gia đình không quan tâm vợ con. Trong quá trình chung sống của chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, tôi đã bỏ về nhà mẹ đẻ và đã sống ly thân được một thời gian, hai vợ chồng không thể xây dựng được hạnh

phúc gia đình, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn cho tôi với anh Phạm Thái Đ.

- Con chung: Có 02 con chung Phạm Thái Đ1, sinh ngày 12/8/2009 và Phạm Trần Diệu H1, sinh ngày 27/7/2015. Khi ly hôn, chị H yêu cầu cháu Thái Đ1 giao cho anh Đ và cháu Diệu H1 giao cho chị H là người chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Thái Đ: Tại bản tự khai ngày 18/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án, anh Đ trình bày: Anh và chị H kết hôn năm 2007 tại UBND xã Đoàn Kết, thành phố K. Anh và chị H cũng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng anh không đánh đập vợ con, gia đình có 02 căn nhà ở phường Nguyễn Trãi và ở xã Đoàn Kết, chị H đang ở nhà của vợ chồng anh ở Nguyễn Trãi. Thời gian chị nộp đơn ra Toà án thì anh không quan tâm hỏi han nhau nhưng vẫn chở con đi đi về về giữa hai gia đình. Anh Đ vẫn còn tình cảm với chị H nên mong muốn được đoàn tụ, ngoài ra anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án thông đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, bị đơn từ chối quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

3. Quan điểm giải quyết vụ án đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” của chị Trần Thị Thanh H đề ngày 05/11/2024.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Thanh H được ly hôn với anh Phạm Thái Đ.

- *Về con chung*: Giao con chung Phạm Thái Đ1, sinh ngày 12/8/2009 cho anh Đ và giao Phạm Trần Diệu H1, sinh ngày 27/7/2015 cho chị H là người chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con chung với anh Phạm Thái Đ có nơi cư trú tại thành phố K, tỉnh K. Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 2 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh Phạm Thái Đ vắng mặt không lý do, không lên Tòa án làm việc, không tham gia các phiên tòa xét xử giải quyết vụ án. Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Thanh H và anh Phạm Thái Đ Đ1 ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đoàn Kết, thành phố K, tỉnh K vào năm 2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thanh H và anh Phạm Thái Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: Chị H cho rằng sau khi kết hôn chị và anh Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn và năm 2023 chị có nộp đơn ra Tòa nhưng sau đó rút về. Nguyên nhân là anh Đ không chăm lo hạnh phúc gia đình, anh Đ thường xuyên say xỉn, đập phá đồ đạc chung trong gia đình và không quan tâm vợ con. Bản thân chị cũng đã nộp đơn 01 lần ra Tòa án nhưng rút đơn mong gia đình hàn gắn nhưng không thay đổi.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H khẳng định không còn tình cảm yêu thương với anh Đ nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn để ổn định cuộc sống. Tòa án nhân dân thành phố K tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng anh Đ chị H tại địa chỉ nhà anh Đ sinh sống, xác nhận vợ chồng anh chị cách đây 02 năm có xảy ra mâu thuẫn và chị H hiện đã chuyển đi nơi khác từ năm 2024 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

2.2. *Về con chung*: Có 02 con chung Phạm Thái Đ1, sinh ngày 12/8/2009 và Phạm Trần Diệu H1, sinh ngày 27/7/2015.

Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được giao cháu Thái Đ1 cho anh Đ và cháu Diệu H1 giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, bản thân nguyện vọng của cháu Thái Đ1 là được ở với anh Đ và nguyện vọng cháu Diệu H1 là được ở với chị H, và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu về con chung của chị H là có cơ sở chấp nhận, do đó giao cháu Diệu H1 cho chị H và cháu Thái Đ1 cho anh Đ nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

2.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” của chị Trần Thị Thanh H đề ngày 05/11/2024.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Thanh H được ly hôn với anh Phạm Thái Đ.

- *Về con chung*: Giao con chung Phạm Thái Đ1, sinh ngày 12/8/2009 cho anh Đ và giao Phạm Trần Diệu H1, sinh ngày 27/7/2015 cho chị H là người chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Thái Đ và chị Trần Thị Thanh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000261 ngày 20/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K. Chị Trâm đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND TP. K;
- Chi cục THADS TP. K;
- UBND P.Nguyễn Trãi, TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ry Thị Mỹ Hoàng